

NỘI DUNG QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT

CÁC CĂN CỨ
PHÁP LÝ

ĐIỀU 1: CÁC NỘI
DUNG CHÍNH

ĐIỀU 2: TỔ CHỨC
THỰC HIỆN

ĐIỀU 3: QUYẾT ĐỊNH
NÀY CÓ HIỆU LỰC THI
HÀNH KỂ TỪ NGÀY KÝ.



CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014. Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;
- Luật Quy hoạch đô thị năm 2009; Luật Quy hoạch năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật liên quan đến quy hoạch năm 2018; Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;
- Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 03/5/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị;
- Thông tư số 12/2014/TT-BXD ngày 25/8/2014 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn lập, thẩm định và phê duyệt chương trình phát triển đô thị;
- Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 07/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh định hướng quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến 2050;
- Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030;
- Quyết định số 286/QĐ-TTg ngày 09/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 915/QĐ-TTg ngày 30/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 3218/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;
- Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 26/10/2012 của Tỉnh ủy về phát triển hệ thống đô thị đến năm 2015, định hướng đến năm 2020; Kết luận số 426-KL/TU ngày 27/8/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU đến năm 2025;
- Kết luận số 447-KL/TU ngày 20/10/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thông qua nội dung Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh giai đoạn đến năm 2030;
- Thông báo kết luận số 3041/SXD-TB ngày 28/10/2020 của Hội đồng thẩm định; Báo cáo thẩm định số 3378/SXD-PTĐT ngày 26/11/2020 của Sở Xây dựng;
- Công văn số 330/BXD-PTĐT ngày 28/01/2022 của Bộ Xây dựng về việc phúc đáp Công văn số 12095/UBND-CN ngày 18/9/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo giải trình số 10/CV-VQHNT ngày 28/02/2022 của Viện Quy hoạch Xây dựng Phát triển Nông thôn;
- Đề nghị của sở xây dựng tại tờ trình số 21/ttr-sxd ngày 10/3/2022 và công văn số 718/SXD-PTĐT ngày 31/3/2022.

ĐIỀU 1

PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TOÀN TỈNH ĐẮK LẮK GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2030 CÁC NỘI DUNG CHÍNH NHƯ SAU:

1

Tên chương trình

2

Phạm vi nghiên cứu

3

Quan điểm và mục tiêu

4

Các chỉ tiêu chính về phát triển đô thị

5

Lộ trình và kế hoạch nâng loại đô thị

6

Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư và nhu cầu vốn

7

Giải pháp chính sách, huy động nguồn vốn

1. TÊN CHƯƠNG TRÌNH & 2. PHẠM VI NGHIÊN CỨU

1. Tên chương trình:

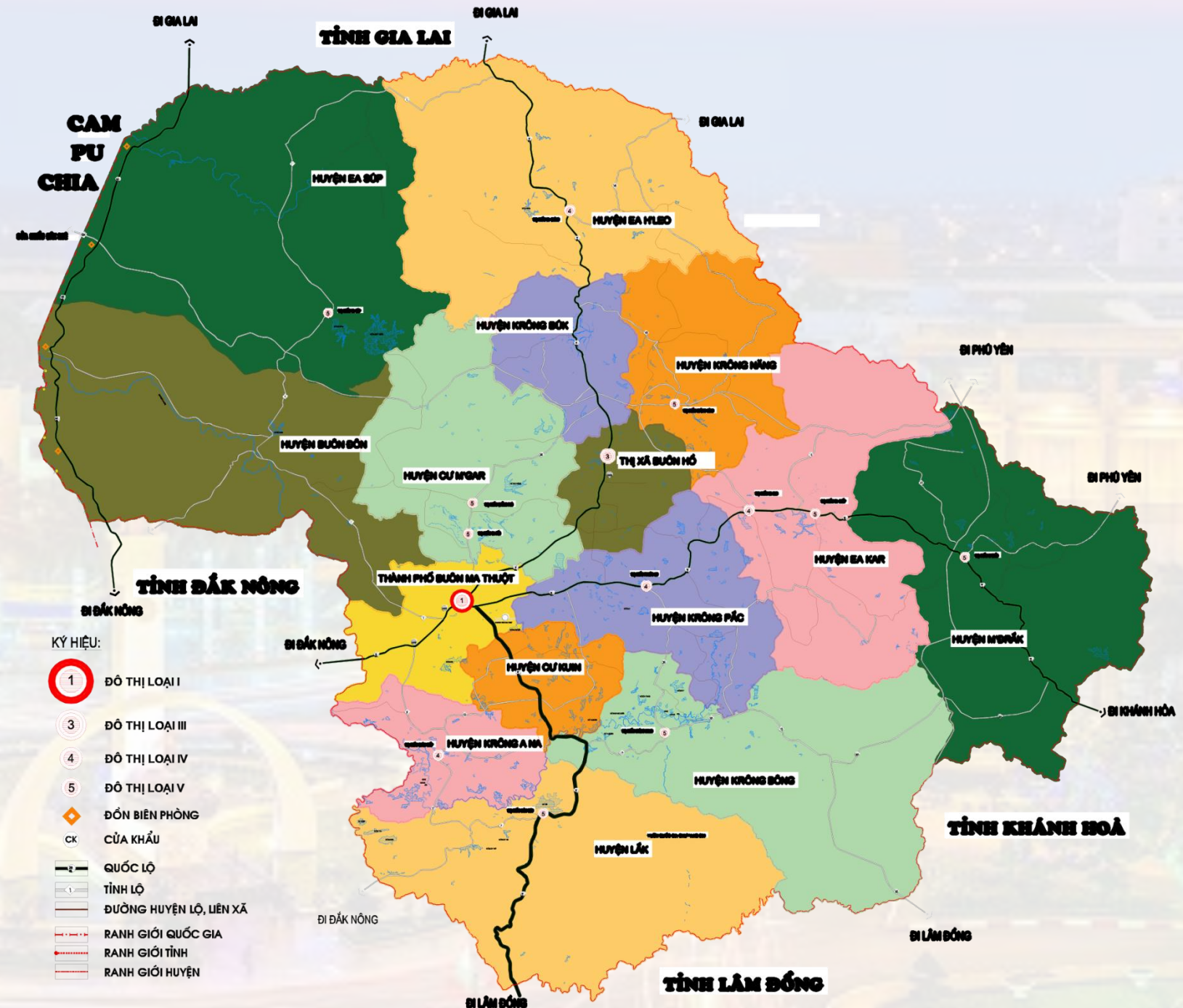
Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn đến năm 2030.

2. Phạm vi nghiên cứu:

Toàn bộ ranh giới hành chính của tỉnh Đắk Lắk:

+ Tổng diện tích tự nhiên là 1.303,5 km²,

+ Gồm 15 đơn vị hành chính: Thành phố Buôn Ma Thuột, thị xã Buôn Hồ và 13 huyện: Buôn Đôn, Cư Kuin, Cư M'gar, Ea H'leo, Ea Kar, Ea Súp, Krông Ana, Krông Bông, Krông Búk, Krông Năng, Krông Pắc, Lắk, M'Đrắk.



a. Quan điểm

- Xây dựng tỉnh Đắk Lắk cơ bản trở thành trung tâm vùng, là tỉnh phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững khu vực Tây Nguyên; phát triển đô thị trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế; cụ thể hóa được các yêu cầu nhiệm vụ về phát triển đô thị tỉnh Đắk Lắk theo Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025.
- Phát triển mạng lưới đô thị đồng bộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, phát triển hạ tầng như: giao thông, công nghiệp – thương mại – dịch vụ... của các đơn vị hành chính trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, đảm bảo sự ổn định của hệ thống đô thị đã được hình thành và phát triển theo các giai đoạn lịch sử của tỉnh.
- Đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất về xây dựng cơ chế, chính sách và triển khai thực hiện Chương trình từ tỉnh, phân cấp đến từng địa phương. Nâng cao nhận thức về quản lý xây dựng và phát triển đô thị đối với chính quyền đô thị, các cơ quan chuyên môn cũng như đối với cộng đồng dân cư, đẩy mạnh quản lý khai thác, sử dụng một cách hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường đô thị, phù hợp với các nội dung định hướng chiến lược phát triển đô thị bền vững của tỉnh và toàn quốc.
- Phát triển đô thị bền vững, phát triển đô thị xanh, thông minh tiết kiệm năng lượng, ứng phó với biến đổi khí hậu.

b. Mục tiêu

- Cụ thể hóa định hướng Quy hoạch xây dựng tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, từng bước hoàn chỉnh mạng lưới đô thị phù hợp với giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và từng bước nâng cao tỷ lệ đô thị hóa trên địa bàn tỉnh, làm cơ sở phân cấp, phân loại đô thị; xác định lộ trình đầu tư phát triển đô thị, các khu vực ưu tiên đầu tư phát triển đô thị; triển khai các giải pháp và nhiệm vụ thực hiện cho từng giai đoạn nhằm hoàn thiện cơ chế chính sách, thu hút nguồn vốn và huy động các nguồn lực đầu tư vào mục tiêu xây dựng đô thị, nâng cao năng lực, trách nhiệm của chính quyền đô thị, thiết lập kỷ cương và tạo nguồn lực phát triển hệ thống đô thị.
- Cụ thể hóa định hướng phát triển hệ thống đô thị theo quy hoạch xây dựng vùng tỉnh và các quy hoạch ngành đã được duyệt, phù hợp với kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030 tại Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ, từng bước đầu tư xây dựng mạng lưới đô thị trên địa bàn tỉnh theo từng giai đoạn phát triển. Xây dựng kế hoạch, lộ trình huy động nguồn lực để đầu tư xây dựng, phát triển hệ thống đô thị trên toàn tỉnh, nâng cao chất lượng, diện mạo kiến trúc, cảnh quan đô thị theo hướng hiện đại, văn minh phù hợp với bản sắc văn hóa, đặc trưng của mỗi đô thị.
- Xây dựng Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh là cơ sở để xây dựng chương trình phát triển của từng đô thị trong tỉnh giai đoạn đến năm 2030 nhằm phát triển các đô thị đồng bộ, bền vững tạo sự gắn kết, hỗ trợ cùng phát triển giữa các đô thị, tăng cường mối liên kết giữa các đô thị với các khu vực nông thôn.
- Với mục tiêu xây dựng tỉnh Đắk Lắk giàu đẹp, văn minh, bản sắc, xứng tầm vị trí trung tâm vùng Tây Nguyên, phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.
- Xây dựng từng đô thị theo các tiêu chí quy định tại Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị.

a. Hệ thống đô thị:

* **Đến cuối năm 2021: 16** đô thị.

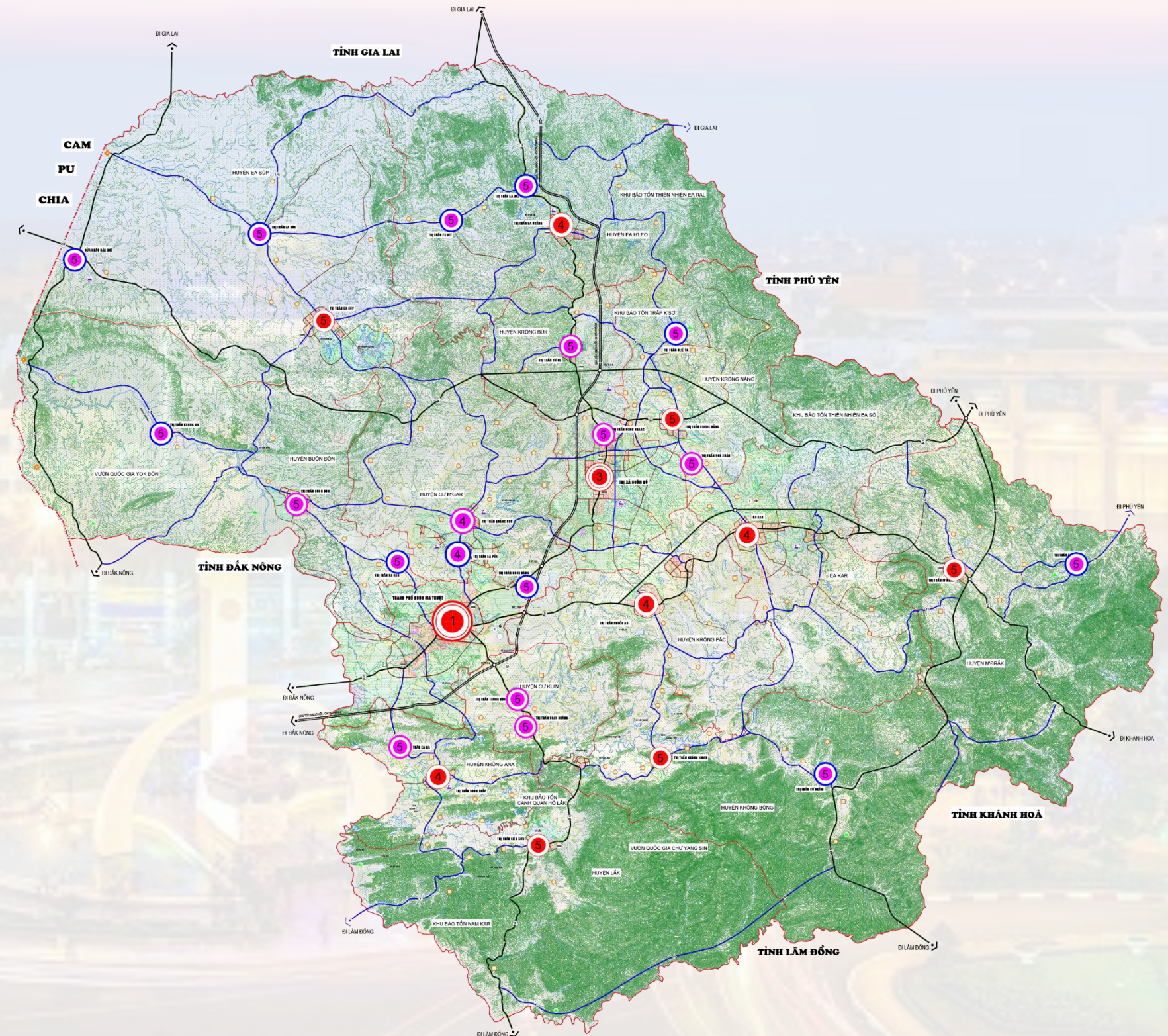
- Đô thị loại I: 01 đô thị
- Đô thị loại IV: 06 đô thị
- Đô thị loại V: 09 đô thị

* **Giai đoạn đến năm 2025: 21** đô thị.

- Đô thị loại I: 01 đô thị
- Đô thị loại III: 01 đô thị
- Đô thị loại IV: 05 đô thị
- Đô thị loại V: 14 đô thị

* **Giai đoạn năm 2026-2030: 31** đô thị.

- Đô thị loại I: 01 đô thị
- Đô thị loại III: 01 đô thị
- Đô thị loại IV: 06 đô thị
- Đô thị loại V: 23 đô thị



b. Về chất lượng đô thị:

- Chất lượng đô thị đến năm 2025:

- + Diện tích sàn nhà ở bình quân đạt 26,5- 29,0 m² sàn/người; Tỷ lệ nhà kiên cố, bán kiên cố đạt từ 85% đến 90%.
- + Tỷ lệ đất giao thông: Đối với đô thị loại I >16%; đô thị loại III từ 13%-19%, đối với đô thị loại IV từ 12%-17%; đô thị loại V từ 11- 16 %. Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng: 1-15%.
- + Tỷ lệ dân số được cấp nước sạch: Đô thị loại I đạt 95%, tiêu chuẩn cấp nước đạt 130 lít/người/ngày đêm; đô thị loại III và IV đạt 90-95%, tiêu chuẩn cấp nước đạt 100-120 lít/người/ngày đêm; đô thị loại V đạt 80-90%, tiêu chuẩn cấp nước đạt 80-100 lít/người/ngày đêm. Tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch dưới 20% đối với các đô thị từ loại I đến loại IV; dưới 25% đối với các đô thị loại V.
- + Tỷ lệ bao phủ của hệ thống thoát nước đạt 70-80% diện tích lưu vực thoát nước trong khu vực nội thị của các đô thị; Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật: Đối với đô thị loại I đạt ≥40%, đô thị loại III và IV đạt 15-25%, đô thị loại V đạt ≥10%.
- + Tỷ lệ chất thải rắn sinh được thu gom và xử lý đạt 92%; Tỷ lệ chất thải rắn công nghiệp thông thường được thu gom và xử lý đạt 100%.
- + Tỷ lệ các tuyến đường chính được chiếu sáng: 80-100%; Tỷ lệ đường khu nhà ở, ngõ xóm được chiếu sáng: 50-70%.
- + Đất cây xanh đô thị: Đối với đô thị loại I đạt 7-12 m²/người; đối với đô thị loại III đạt 5-7 m²/người; đô thị loại IV, V đạt ≥ 4 m²/người. Đất cây xanh công cộng khu vực nội thị đạt từ 3-6 m²/người.

- Chất lượng đô thị đến năm 2030:

- + Diện tích sàn nhà ở bình quân đạt 29- 30m² sàn/người; tỷ lệ nhà kiên cố, bán kiên cố đạt từ 85- 95%.
- + Tỷ lệ đất giao thông: Đối với đô thị loại I >16%; đối với đô thị loại III từ 13%-19%, đối với đô thị loại IV từ 12%- 17%; đối với đô thị loại V từ 11- 16%. Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng tại đô thị loại I đạt ≥20%; đô thị loại III đạt 6-10%; đô thị loại IV và V đạt 2-5%.
- + Tỷ lệ dân số được cấp nước sạch: Đô thị loại I đạt 100%, tiêu chuẩn cấp nước đạt ≥ 130 lít/người/ngày đêm; loại III và IV đạt 90-100%, tiêu chuẩn cấp nước 100-125 lít/người/ngày đêm; đô thị loại V đạt 80-95%, tiêu chuẩn cấp nước đạt 80-100 lít/người/ngày đêm. Tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch dưới 15% đối với các đô thị từ loại I đến loại IV; dưới 20% đối với các đô thị loại V.
- + Tỷ lệ bao phủ của hệ thống thoát nước đạt 85-90% diện tích lưu vực thoát nước trong khu vực nội thị của các đô thị. Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật: Đối với đô thị loại I đạt ≥60%, đô thị loại III và IV đạt 15-30%, đô thị loại V đạt 10-15%.
- + Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và xử lý đạt ≥92%; tỷ lệ chất thải rắn công nghiệp thông thường được thu gom và xử lý đạt 100%.
- + Tỷ lệ các tuyến đường chính được chiếu sáng: đô thị loại I trên 100%, loại III và IV đạt trên 90-100%, các đô thị loại V đạt trên 80-90%; tỷ lệ đường khu nhà ở, ngõ xóm được chiếu sáng: Đô thị loại I trên ≥85%, loại III, IV và V đạt trên 60-80%.
- + Đất cây xanh đô thị: Đô thị loại I đạt ≥14 m²/người; đô thị loại III, loại IV đạt 7-10 m²/người; đô thị loại IV, V đạt 5-7 m²/người. Đất cây xanh công cộng khu vực nội thị đạt từ 4-6 m²/người.

Lộ trình nâng loại đô thị:

- Tập trung đầu tư, hoàn thiện các tiêu chí của đô thị hiện hữu.
- Nâng cấp các tiêu chuẩn của chỉ tiêu đô thị đảm bảo điều kiện lập đề án công nhận các đô thị.

Bảng Kế hoạch nâng loại đô thị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk:

STT	Tên đô thị	Phân loại đô thị và giai đoạn phát triển		
		Hiện trạng 2021	Giai đoạn 2022-2025	Giai đoạn 2026-2030
I	Đô thị hiện hữu nâng cấp, cải tạo			
1	Thành phố Buôn Ma Thuột	I	I	I
2	Thị xã Buôn Hồ	IV	III	III
3	Thị trấn Ea Kar	IV	Toàn huyện Ea Kar trở thành thị xã Ea Kar- loại IV	
4	Thị trấn Phước An	IV	IV	IV
5	Thị trấn Buôn Trấp	IV	IV	IV
6	Thị trấn Ea Drăng	IV	IV	IV
7	Thị trấn Quảng Phú	IV	IV	IV
8	Thị trấn Ea Pók	V	V	IV
9	Thị trấn Ea Súp	V	V	V
10	Thị trấn M’Đrăk	V	V	V
11	Thị trấn Krông Năng	V	V	V
12	Thị trấn Krông Kmar	V	V	V
13	Thị trấn Liên Sơn	V	V	V
14	Thị trấn Ea Knốp	V	Gộp chung trong thị xã Ea Kar	
15	Huyện lỵ Buôn Đôn	V	V (Hình thành thị trấn)	
16	Đô thị Pong Drang	V	V (Hình thành thị trấn)	
II	Đô thị hình thành mới			
17	Đô thị Dray Bhang		V (Hình thành thị trấn)	
18	Đô thị Cư Né		V	V
19	Đô thị Ea Phê		V	V
20	Đô thị Ea Na		V	V
21	Đô thị Trung Hòa		V	V
22	Đô thị Phú Xuân		V	V
23	Đô thị Ea Wy			V
24	Đô thị Ea Rôk			V
25	Đô thị Ea M’Doal			V
26	Đô thị Ea Bar			V
27	Đô thị Đliê Ya			V
28	Đô thị Krông Na			V
29	Đô thị Ea Ral			V
30	Đô thị Cuôr Đăng			V
31	Đô thị Cư Drăm			V
32	Khu kinh tế Cửa khẩu Đắk Ruê			V

6. DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ VÀ NHU CẦU VỐN

a. **Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư:** Ưu tiên đầu tư các công trình giao thông kết nối vùng, kết nối các đô thị, các công trình đầu mối về hạ tầng kỹ thuật như cấp nước, xử lý nước thải, rác thải, hạ tầng khung các đô thị trọng điểm.

b. **Nhu cầu vốn của chương trình:** Khoảng **246.914,75** tỷ đồng.
Trong đó:

STT	Nội dung	Giai đoạn 2020 - 2025	Giai đoạn 2026 - 2030
1	Vốn phát triển hạ tầng xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo đô thị	147.877,69	16.739,41
2	Vốn phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung	49.378,59	32.919,06
	Cộng	197.256,28	49.658,47
	Tổng cộng: 246.914,75		

c. **Cơ cấu vốn cho hệ thống Hạ tầng kỹ thuật:**

❑ Vốn phát triển mạng lưới đô thị: Khoảng **164.617,10** tỷ đồng.

Trong đó:

+ Vốn phát triển giai đoạn 2020-2025: 147.877,69 tỷ đồng.

+ Vốn phát triển giai đoạn 2026-2030: 16.739,41 tỷ đồng

❑ Vốn phát triển Hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung:

TT	HẠNG MỤC	TỔNG VỐN	TỶ LỆ (%)	GIAI ĐOẠN ĐẦU TƯ	
				GĐ 2020-2025	GĐ 2026-2030
	Tổng vốn	82.297,65		49.378,59	32.919,06
A	Vốn do TW quản lý	55.431,55	100,00	33.258,93	22.172,62
1	Giao thông	54.206,55	97,79	32.523,93	21.682,62
2	Thoát nước mặt - Thủy lợi	1.225,00	2,21	735,00	490,00
B	Vốn do Tỉnh quản lý	26.866,10	100,00	16.119,66	10.746,44
3	Giao thông	18.068,85	67,26	10.841,31	7.227,54
4	Cấp điện	6.836,20	25,45	4.101,72	2.734,48
5	Cấp nước	575,00	2,14	345,00	230,00
6	Thoát nước thải, xử lý CTR	925,00	3,44	555,00	370,00
7	Nghĩa trang	96,00	0,36	57,60	38,40
8	Thông tin liên lạc	365,05	1,36	219,03	146,02

b. Giải pháp về cơ chế, chính sách huy động vốn đầu tư:

- Về huy động vốn ngân sách Nhà nước:

+ Ưu tiên nguồn vốn ngân sách tỉnh, đồng thời, làm việc với các Bộ, ngành Trung ương để tranh thủ tối đa các nguồn vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu, Trái phiếu Chính phủ, chương trình mục tiêu quốc gia, vốn tín dụng ưu đãi đầu tư, vốn nhà nước của Kho bạc Nhà nước.

+ Có biện pháp phù hợp để huy động tối đa nguồn vốn từ khai thác quỹ đất cho phát triển đô thị, đặc biệt là xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị.

- Về huy động vốn ngoài ngân sách Nhà nước:

+ Xác định việc sử dụng ngân sách đầu tư phát triển đô thị đúng chỗ, hiệu quả, có tác dụng làm hạt nhân kích thích thu hút đầu tư từ nguồn ngoài ngân sách.

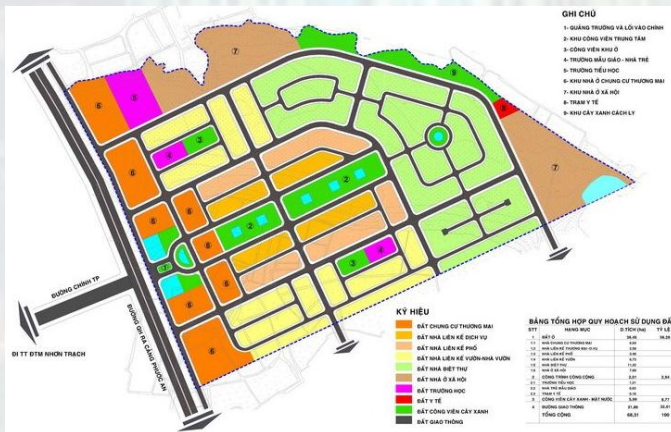
+ Ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư kết cấu hạ tầng đô thị theo hình thức BOT, PPP.

+ Cải cách tinh gọn thủ tục hành chính trong đầu tư phát triển đô thị, đặc biệt đối với các dự án từ nguồn vốn ngoài ngân sách.

+ Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa, thông tin, thể dục thể thao, nhà ở,... nhằm huy động mọi nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển các lĩnh vực này



b. Giải pháp phân bổ nguồn lực phát triển đô thị:



- Đối với nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước (kể cả nguồn vốn ODA), nguồn tín dụng đầu tư ưu đãi của Trung ương, nguồn vượt thu, tăng thu từ kinh tế địa phương: Ưu tiên cho đầu tư phát triển trong đầu tư công, phát triển kết cấu hạ tầng giao thông liên vùng, các hạ tầng khung trong các đô thị, các công trình đầu mối trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, môi trường đô thị.
- Đối với nguồn vốn ngoài ngân sách, ưu tiên cho phát triển các dịch vụ công trong đô thị như thoát nước, xử lý nước thải, cải thiện môi trường, chiếu sáng; phát triển các khu vực mở rộng, tái thiết đô thị, các khu đô thị có chức năng chuyên biệt.
- Xây dựng cơ chế đặc thù, ưu tiên tập trung nguồn lực cho các dự án ưu tiên đầu tư và phát triển các đô thị trung tâm vùng kinh tế động lực làm khâu đột phá, có sức lan tỏa lớn tạo đà phát triển kinh tế - xã hội, kích thích phát triển đô thị từng vùng.
- Kết hợp, lồng ghép Chương trình phát triển đô thị với các mục tiêu, chương trình, đề án phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh và các địa phương.
- Đầu tư vào các hạ tầng thiết yếu có tác dụng thu hút các nguồn lực xã hội vào phát triển đô thị.
- Phân vùng, phân kỳ phát triển đô thị hợp lý để có chính sách phù hợp, hiệu quả nhất đối với phát triển đô thị từng vùng, từng giai đoạn.
- Phát triển đô thị bền vững, phát huy nguồn nội lực để vừa tăng trưởng nhanh về kinh tế, vừa đảm bảo sinh thái bền vững, sử dụng tiết kiệm hiệu quả nguồn tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu toàn cầu.

1. SỞ XÂY DỰNG

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Chương trình;
- Hướng dẫn các địa phương lập, thẩm định và phê duyệt Chương trình phát triển đô thị từng đô thị.
- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các dự án thuộc Chương trình, tổng hợp tình hình thực hiện và định kỳ hàng năm báo cáo UBND tỉnh.

2. SỞ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

- Cân đối ngân sách hàng năm đảm bảo chi phí chung của các sở, ngành trong việc thực hiện Chương trình phát triển đô thị và vận động thu hút nguồn vốn ODA cho các hoạt động thuộc Chương trình, tổ chức xúc tiến đầu tư phát triển đô thị từ các nguồn vốn hợp pháp trong nước và quốc tế.
- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Xây dựng và các đơn vị liên quan hướng dẫn cơ chế ưu đãi, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng phát triển đô thị theo các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình.

3. SỞ TÀI CHÍNH

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương có liên quan tham mưu UBND tỉnh tổng hợp kinh phí hàng năm từ nguồn vốn ngân sách nhà nước để đầu tư cho phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh để trình HĐND tỉnh thông qua dự toán chi hàng năm và hướng dẫn các địa phương, đơn vị thực hiện và thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

4. SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị liên quan rà soát đánh giá hiệu quả sử dụng đất tại khu vực đô thị hiện hữu và các khu vực dự kiến phát triển đô thị; lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất 05 năm và hàng năm đảm bảo quỹ đất phát triển đô thị, trình cấp thẩm quyền quyết định.
- Hướng dẫn các địa phương xác định ranh giới, diện tích các loại đất cần bảo vệ nghiêm ngặt làm cơ sở cho định hướng phát triển đô thị.

5. SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các địa phương liên quan quy hoạch, phát triển hệ thống giao thông toàn tỉnh (bao gồm Quốc lộ, Tỉnh lộ) gắn kết với hệ thống đô thị trung tâm và các trục giao thông chính đô thị theo quy hoạch xây dựng đô thị được duyệt.

6. SỞ NỘI VỤ

- Phối hợp với sở, ngành và UBND cấp huyện rà soát, đánh giá trong công tác nâng cấp đơn vị hành chính trên địa bàn tỉnh theo Chương trình, kế hoạch được duyệt.

7. CÁC SỞ, NGÀNH LIÊN QUAN

- Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách và chỉ đạo triển khai thực hiện các chính sách có liên quan đến quản lý phát triển đô thị.

8. Ủy BAN NHÂN DÂN CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ THUỘC TỈNH

- Chủ động tổ chức rà soát, đánh giá thực trạng phát triển các đô thị; rà soát, điều chỉnh, bổ sung và lập quy hoạch chung xây dựng đô thị, quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết các khu chức năng trong đô thị thuộc địa phương quản lý.
- Tổ chức lập Chương trình phát triển đô thị từng đô thị thuộc địa phương quản lý; chủ động, tích cực huy động mọi nguồn lực nhằm phát triển đô thị phù hợp với lộ trình phát triển đô thị toàn tỉnh.
- Tổ chức lập Đề án công nhận loại đô thị; đề án mở rộng địa giới hành chính hoặc thành lập đô thị mới trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

ĐIỀU 3

QUYẾT ĐỊNH NÀY CÓ HIỆU LỰC KỂ TỪ NGÀY KÝ.

- Quyết định số 903/QĐ-UBND: Phê duyệt Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn đến năm 2030 được ký *ngày 15 tháng 4 năm 2022*.
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng; Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

XIN TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!

